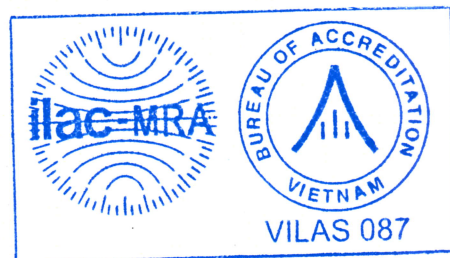




BỘ Y TẾ  
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam  
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH**  
**DƯỢC LIỆU CHUẨN DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM**

**Số: 15/2021**

**HÀ THỦ Ô ĐỎ**

*(Radix Fallopiae multiflorae)*

**SKS: HP0221018**

Rễ củ phơi hay sấy khô của cây Hà thủ ô đỏ [*Fallopia multiflora* (Thunb.) Haraldson Syn. *Polygonum multiflorum* (Thunb.)], họ Rau răm (Polygonaceae), đã được nghiền thành bột.

**I. Mục đích sử dụng**

Sử dụng trong các phép thử soi bột, định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng.

**II. Mô tả**

Bột màu nâu hồng.

**III. Liên kết chuẩn**

Dược liệu chuẩn Hà thủ ô đỏ (NIFDC – Trung Quốc), SKS: 120934 – 201410.

Chất chuẩn emodin (USP RS), SKS: F049E0, HL: 98,6 % ( $C_{15}H_{10}O_5$ ), tính theo nguyên trạng.

Chất chuẩn physcion (Phytolab – Đức), SKS: 89757, HL: 98,08 % ( $C_{16}H_{12}O_5$ ), tính theo nguyên trạng.

Chất chuẩn 2,3,5,4'-Tetrahydroxystilben-2-O- $\beta$ -D-glucosid (NIFDC – Trung Quốc), SKS: 110844-201814; HL: 91,0 % ( $C_{20}H_{22}O_9$ ), tính theo nguyên trạng.

**IV. Kết quả phân tích**

- |                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>1. Bột</b>                      | : Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Hà thủ ô đỏ. |
| <b>2. Tro toàn phần</b>            | : 3,4 %.   |
| <b>3. Tro không tan trong acid</b> | : 0,2 %.   |

#### 4. Định tính

Phản ứng hóa học : Thể hiện các đặc điểm phản ứng hóa học của dược liệu Hà thủ ô đỏ.

#### Phương pháp SKLM

Phương pháp 1\* : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết cùng màu sắc và giá trị  $R_f$  với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu Hà thủ ô đỏ, trong đó có một vết cùng màu sắc và giá trị  $R_f$  với vết emodin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Phương pháp 2\*\* : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết phát quang có cùng màu sắc và giá trị  $R_f$  với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu Hà thủ ô đỏ.

5. Độ ẩm : 4,4 %.

Phương pháp sấy (1g, 105°C, 5h)

6. Chất chiết được trong dược liệu : 32,2 %.

Phương pháp chiết lạnh, dùng ethanol 30 % làm dung môi.

#### 7. Định lượng




Anthraquinon kết hợp : 0,1 % anthraquinon kết hợp (CAQ), tính theo tổng hàm lượng của emodin ( $C_{15}H_{10}O_5$ ) và physcion ( $C_{16}H_{12}O_5$ ), tính theo dược liệu khô kiệt.

2,3,5,4' – Tetrahydroxystilben – 2 – O –  $\beta$  – D – glucosid : 2,8 % 2,3,5,4' – tetrahydroxystilben – 2 – O –  $\beta$  – D – glucosid ( $C_{20}H_{22}O_9$ ), tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp HPLC

V. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng.

VI. Bảo quản: Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra	Kiểm tra lần sau	Phụ trách khoa (ký)
	05/2022	
05/2022	05/2023	
05/2023	05/2024	

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2021

VIỆN TRƯỞNG



Đoàn Cao Sơn

(\*): Dược điển Việt Nam V

(\*\*): Dược điển Trung Quốc 2015

Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>